SAO Y; SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; 17/03/2026; 10:44:49; +07:00

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /GPMT-SNNMT

An Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang);

Xét đề nghị của Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc tại Văn bản số 113/2025/CV-PQC ngày 02/3/2026 đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang tại Tờ trình số 45/TTr-CCBVMT ngày 13/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang) đã cấp cho Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc, có địa chỉ tại tầng

2, tòa nhà Sun Home Phú Quốc, khu phố 6 An Thới, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang (trước đây là tầng 2, toà nhà Sun Home Phú Quốc, khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang), chi tiết tại phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND ngày 26/6/2023.

Điều 2. Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND ngày 26/6/2023 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này.

Điều 3. Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2027./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;
- UBND đặc khu Phú Quốc;
- GĐ & các PGĐ Sở NN&MT;
- Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang;
- Cổng thông tin điện tử của Sở NN&MT;
- Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc;
- Công ty CP Phát triển đô thị Phú Quốc;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, nthoa.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Lê Hữu Toàn

Phụ lục
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) số: 08 /GPMT-SNNMT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

I. Thay đổi nội dung cấp phép xả thải (tại mục 1 và mục 2.3 phần A phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND ngày 26/6/2023):

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 01: nước thải sinh hoạt của toàn khu A (783,12 m^3/ngày.đêm), khu C (27,90 m^3/ngày.đêm) và Bệnh viện Mặt Trời Phú Quốc (85 m^3/ngày.đêm).

- Nguồn 2: giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND ngày 26/6/2023.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Lưu lượng xả thải tối đa:

+ Nguồn 1: lưu lượng xả thải tối đa là 896,02 m^3/ngày.đêm (tại khu A, khu C và Bệnh viện Mặt Trời Phú Quốc).

+ Nguồn 2: giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND ngày 26/6/2023.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 1, F≤2000) cụ thể:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	**6-9**	03 tháng/lần
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)	mg/l	**≤ 30**	
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/l	**≤ 80**	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	**≤ 50**	
5	Amoni ($N_NH_4^+$), tính theo N	mg/l	**≤ 4,0**	
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	**≤ 25**	
7	Tổng phốt pho (T-P)	mg/l	**≤ 4,0**	
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	**≤ 3.000**	

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
9	Sunfua (S^{2-})	mg/l	**≤ 0,2**	
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	**≤ 10**	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	**≤ 3,0**	

II. Thay đổi công trình, biện pháp thu gom nước thải và bổ sung kế hoạch vận hành thử nghiệm (tại mục 1.1 và mục 2 phần B phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND ngày 26/6/2023):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh tại từng khu được thu gom như sau:

+ Khu A:

* Nước thải từ nhà vệ sinh (tắm, giặt, chậu rửa mặt,…) → Lược rác → Hố ga → Đường ống thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải công suất 950 m^3/ngày.đêm.

* Nước thải từ các khu thương mại du lịch, công cộng → Thiết bị lược, tách dầu mỡ → Hố ga → Đường ống thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải công suất 950 m^3/ngày.đêm.

* Nước thải từ nhà vệ sinh (hố tiêu, hố tiểu) → Hố ga → Đường ống thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải công suất 950 m^3/ngày.đêm.

* Nước thải sau xử lý từ Bệnh viện Mặt Trời Phú Quốc sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) → Đường ống uPVC D250 (chiều dài khoảng 200m) → Đường ống thu gom nước thải khu A → Hệ thống xử lý nước thải công suất 950 m^3/ngày.đêm.

Vị trí đấu nối thoát nước thải từ Bệnh viện Mặt Trời Phú Quốc vào tuyến thu gom nước thải của cơ sở (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 104°30', múi chiếu 3°): X = 1110083; Y = 445739.

Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc có trách nhiệm thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sau khi tiếp nhận từ Bệnh viện Mặt Trời Phú Quốc về hệ thống xử lý nước thải công suất 950 m^3/ngày.đêm để xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này khi xả ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

+ Đối với Khu B và Khu C giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 1603/GPMT-UBND ngày 26/6/2023.

2. Bổ sung kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với HTXLNT công suất 950 m^3/ngày.đêm

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải:

STT	Công trình xử lý chất thải	Chất lượng	Thời gian vận hành
1	HTXLNT công suất 950 m^3/ngày.đêm	QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 1, F≤2000)	Không quá 06 tháng, kể từ ngày tiếp nhận, xử lý nước thải sau xử lý đạt loại A QCVN 40:2025/BTNMT của Bệnh viện Mặt Trời Phú Quốc. Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc có trách nhiệm lập và thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Kế hoạch thu mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT), cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) trong giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải, các thông số giám sát và vị trí thu mẫu cụ thể như sau:

STT	Số ngày	Vị trí lấy mẫu	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Ngày 1	- Nước thải tại bể điều hoà (X: 1109829; Y: 446055) - Nước thải đầu ra hệ thống (X: 1109810; Y: 446076)	04 mẫu đơn (mỗi đợt thu 01 mẫu đơn)	pH; Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C); Nhu cầu ôxy hóa học (COD); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni ($N_NH_4^+$); tính theo N; Tổng Nitơ (T-N); Tổng	QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 1, F≤2000)

2	Ngày 2	Nước thải đầu ra hệ thống (X: 1109810; Y: 446076)		phốt pho (T-P); Tổng Coliform, Sunfua (S^{2-}); Dầu mỡ động, thực vật; Chất hoạt động bề mặt anion.	
3	Ngày 3	Nước thải đầu ra hệ thống (X: 1109810; Y: 446076)			